

Số: 25 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2019

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019  
của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu  
thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và  
dự toán ngân sách năm 2019**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Thực hiện phương châm chỉ đạo hành động của Chính phủ trong năm 2019 “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”,

UBND tỉnh xác định mục tiêu trọng tâm chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 là: “Bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với chú trọng cải thiện tăng trưởng theo hướng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện các chính sách về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội”.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

**I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019**

**1. Tăng cường các biện pháp điều hành chính sách tài chính, tiền tệ góp phần kiểm soát lạm phát tạo động lực duy trì và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, đẩy mạnh hiệu quả xúc tiến đầu tư**

- Tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả. Tăng cường kiểm soát lạm phát, tỷ giá USD và giá vàng; duy trì ổn định lãi suất huy động; nâng cao chất lượng tín dụng theo hướng ưu tiên cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh, cho vay nông nghiệp nông thôn, sản xuất xuất khẩu, doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện tốt Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu. Tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng. Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,8% so với năm 2018 (tổng sản phẩm GRDP đạt 67.200 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 2.181 USD.

- Tăng cường công tác quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu, chống thất thu, chuyên giá, trốn thuế; tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế. Triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Luật thuế mới, chính sách thuế mới được sửa đổi, bổ sung. Điều hành chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; rà soát cắt giảm những khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng an ninh. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế - xã hội để có giải pháp phù hợp, kịp thời cho công tác quản lý, điều hành. Tổ chức tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Tuyên truyền về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, đảm bảo đủ nguồn điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh như: Lúa, gạo, hải sản, tiêu... Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng Kế hoạch đưa hàng hóa phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trước tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Tham gia kết nối cung cầu với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh... Triển khai thủ tục thành lập Chi cục Hải quan thành phố Rạch Giá và đưa vào hoạt động nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục thông quan tại thành phố Rạch Giá.

## **2. Thực hiện quyết liệt các đột phá, cơ cấu, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng**

### **2.1. Tập trung thực hiện hiệu quả các khâu đột phá chiến lược**

a) Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Gắn kết chặt chẽ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra; đẩy mạnh phân luồng hướng nghiệp học sinh; đẩy mạnh khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp.

Nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin về thị trường lao động, gắn kết chặt chẽ trong công tác đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính; trong đó, tập trung cải thiện và nâng cao các chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX); hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) giai đoạn 2017-2020; đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đi vào hoạt động.

b) Tích cực huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Triển khai bố trí nguồn lực đầu tư kịp thời cho các chương trình, dự án trong năm đã được đưa vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 và tiếp tục rà soát, điều chỉnh hợp lý, đúng quy định các dự án đảm bảo triển khai hoàn thành hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm, có sức lan tỏa đã được xác định từ đầu nhiệm kỳ như: Đường ven sông Cái Lớn, Đường KT1, huyện An Minh; nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt – Giồng Riềng); nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT971 (đoạn Quốc lộ 80 đến ngã ba Hòn Trẹm); đường đê biển đoạn qua thành phố Rạch Giá, đường trung tâm đoạn 1 khu vực Bãi Trường và các đường nhánh... Bệnh viện Đa khoa tỉnh 1.020 giường, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Tâm thần... Chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, chủ động xác định một số dự án, công trình hạ tầng trọng điểm bố trí nguồn vốn chuẩn bị các thủ tục đầu tư.

c) Tập trung triển khai thực hiện Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung các luật có quy định liên quan đến quy hoạch, đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Khẩn trương triển khai lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030. Rà soát các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cho phù hợp, đồng bộ.

Triển khai xây dựng và thực hiện Đề án thành lập thành phố Phú Quốc thuộc tỉnh.

## **2.2. Tiếp tục tập trung cơ cấu đầu tư công, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp và tổ chức tín dụng**

- Tăng cường công tác chỉ đạo, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ban ngành, địa phương và đơn vị trong thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện nghiêm các quy định trong đấu thầu; Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về

chấn chỉnh công tác đấu thầu đảm bảo công khai, minh bạch, lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện; chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong đấu thầu như: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu không đúng quy định; giải quyết dứt điểm các trường hợp kiến nghị, khiếu nại kéo dài. Chỉ đạo thực hiện thường xuyên nghiêm túc công tác giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ; công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP. Phần đầu tư trọng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 50% GRDP toàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2018-2020 đối với Trung tâm Kiểm định và dịch vụ xây dựng; Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới; Xí nghiệp Bến xe tàu.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu. Tập trung các tổ chức tín dụng có trụ sở chính trên địa bàn theo hướng lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị và tính minh bạch của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Xử lý căn bản nợ xấu bằng các hình thức phù hợp theo cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống. Phát triển mạng lưới và sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp với trình độ kinh tế xã hội của tỉnh. Củng cố, phát triển, thành lập thêm quỹ tín dụng theo hướng an toàn, hiệu quả và ở những địa điểm thật sự cần thiết.

### **2.3. Thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm**

Khẩn trương rà soát lại các quy hoạch để có hướng điều chỉnh phù hợp theo từng tiểu vùng sinh thái; xây dựng các vùng chuyên canh, trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện sản phẩm chủ lực; tăng cường thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh sản xuất rau màu đặc biệt là rau sạch ở các vùng ven đô thị, khu du lịch như Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Châu Thành và phát triển cây công nghiệp. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại ngoài khu dân cư. Tiếp tục triển khai Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về Quy định tạm thời về quản lý nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thủy sản, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Tiếp tục khuyến khích phát triển và đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, hướng dẫn ngư dân tổ chức khai thác theo tổ, đội để hỗ trợ

nhau trong sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, đánh bắt thủy sản trái phép đảm bảo an ninh trên biển. Nâng cao nhận thức của ngư dân trong việc chấp hành các quy định của Chính phủ Việt Nam về quản lý nghề cá và luật pháp quốc tế khi tham gia đánh bắt hải sản, tháo gỡ khó khăn vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện tốt quy trình chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm về khai thác bất hợp pháp.

Tập trung đầu tư hệ thống đê biển và các công ven biển nhằm kiểm soát xâm nhập mặn và điều tiết mặn, ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, như: Tắc Cậu, An Thới, Gành Dầu; Thố Châu, Sông Cái Lớn - Cái Bé; An Biên - An Minh; Cà Lang, Đập Đá, Tà Niên, T3 - Hoà Điền, Vàm Bà Lịch và các dự án thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản An Biên - An Minh, Bình Trị, huyện Kiên Lương; hệ thống các công trình cấp nước nông thôn, tập trung địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới, vùng ven biển, đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản thâm canh và công nghệ cao. Chuyển dần diện tích nuôi trồng thủy sản quảng canh sang bán thâm canh, thâm canh quy mô công nghiệp ở những nơi có điều kiện thuận lợi, hướng tới sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP và các tiêu chuẩn quốc tế theo nhu cầu của thị trường, phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển sản xuất cho các xã gần đạt 19 tiêu chí của các địa phương đã đăng ký như: Tiêu chí về trường học, giao thông nông thôn, môi trường, cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo. Chú trọng xem xét đầu tư cho các huyện chưa có xã đạt nông thôn mới. Phần đầu có thêm 12 xã đạt 19 tiêu chí xã nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới 63/118 xã.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, gắn chế biến với tiêu thụ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020. Triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, có xét đến năm 2030 và điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, có xét đến năm 2025. Phát triển sản xuất công nghiệp có lợi thế gắn với đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và nâng sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến nông sản, thủy sản; ngành công nghiệp chế tạo và giảm tỷ trọng gia công. Tiếp tục quan tâm thu hút, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp: Thạnh Lộc, Thuận Yên, Xẻo Rô, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Hà Giang, Đông

Bắc Vĩnh Hiệp... Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, tiềm năng đóng góp, gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ. Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp ký kết hợp đồng lao động với sản xuất dịch vụ; tổ chức các lớp tuyên truyền tác phong làm việc cho các công nhân lao động phổ thông đang làm việc tại các doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển du lịch, nhất là quy hoạch chi tiết ở các khu, điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch trọng điểm. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá về du lịch thông qua các đơn vị kinh doanh du lịch lữ hành, các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, chú trọng vùng du lịch trọng điểm. Triển khai thực hiện đề án phát triển sản phẩm du lịch và nguồn nhân lực du lịch, triển khai thí điểm các tuyến tham quan du lịch tại Vườn Quốc gia Phú Quốc và U Minh Thượng.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm tạo môi trường thuận lợi và thu hút các nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm đầu tư vào lĩnh vực du lịch để phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tăng cường đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên du lịch, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch; đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn cho khách du lịch; nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng vận tải đường bộ, đường thủy và đường hàng không. Tăng cường quản lý nhà nước đối với chất lượng các phương tiện, dịch vụ vận tải, đảm bảo an toàn giao thông.

- Nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ, chuyển giao có hiệu quả ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ. Chú trọng công tác bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng chủ lực của tỉnh.

#### **2.4. Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp**

Triển khai Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, tiếp tục rà soát cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Củng cố, duy trì các kết quả đạt được trong các lĩnh vực trong đăng ký kinh doanh; thời gian giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp xuống còn 24 tháng; tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định, tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực hiện tốt Luật Đầu tư, Luật

Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đăng tải danh sách doanh nghiệp đã và đang giải quyết thủ tục phá sản trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng đô thị thông minh và chính quyền điện tử tỉnh.

Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian xin cấp phép xây dựng; thông quan hàng hoá qua biên giới đối với hàng hoá nhập khẩu; tiếp cận điện năng, thời gian nộp thuế. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đầu thầu xây dựng.

### **3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân**

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thành quy hoạch mạng lưới trường lớp học ngành giáo dục đào tạo tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung nguồn lực thực hiện đạt hiệu quả 06 đề án của ngành giáo dục đào tạo đã phê duyệt. Phần đầu tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường đạt trên 96%.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chủ động phòng chống dịch bệnh, kịp thời khống chế không để các dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y đức của cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở; tập trung thực hiện các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện, nâng cao sự hài lòng của người bệnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, nhân lực cho các địa phương vùng sâu, vùng xa, xã biên giới, hải đảo, xã nông thôn mới. Tăng cường đào tạo và thu hút nhân lực y tế chuẩn bị cho các bệnh viện mới đi vào hoạt động. Quan tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; nâng cao chất lượng các hoạt động công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; thực hiện đầy đủ chế độ, các chính sách đã ban hành đối với người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, quan tâm đầu tư vùng đặc biệt khó khăn; nhân rộng các mô hình giảm nghèo đã và đang thực hiện có hiệu quả ở các địa phương nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo. Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1-1,5%.

Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xử lý



ng nghiêm những vụ bạo lực, xâm hại trẻ em. Chú trọng thực hiện tốt các chính sách chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

Triển khai thực hiện việc lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên trong chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội; phản ánh đúng thực trạng, nhu cầu của thanh niên để làm cơ sở tham mưu, đề xuất và hoạch định chính sách, pháp luật đối với thanh niên trong tình hình mới.

- Nâng cao nhận thức cho các tầng lớp xã hội và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hoạt động văn hóa, thể thao và gia đình trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp; chú trọng phát triển thể dục, thể thao cơ sở, nâng dần thành tích thể thao so với khu vực và toàn quốc.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo góp phần tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

#### **4. Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.**

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai theo quy hoạch; thực hiện các dự án điều tra, dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, thực hiện giao, thuê đất, thẩm định phương án giá, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020; quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; tăng cường công tác kiểm tra các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực khai thác khoáng sản sau khi cấp phép; tập trung hoàn thành dự án “Điều tra, đánh giá tài nguyên nước và lập Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2017-2027, tầm nhìn đến năm 2037”. Ứng dụng công nghệ bảo vệ môi trường trong sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đổi công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo giảm tác động biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với việc khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước ngầm; chủ động phòng ngừa những diễn biến phức tạp về biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt. Triển khai lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành và cấp huyện; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển giai đoạn 2014-2020. Phân vùng chức năng khai thác, sử dụng vùng biển và ven biển, đảo tỉnh Kiên Giang.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình biến đổi khí hậu thông qua triển khai nhanh và hiệu quả các dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất





- Kiên Hà; công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn thành phố Rạch Giá, huyện: Châu Thành và Kiên Lương.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép. Đẩy mạnh trồng mới rừng phòng hộ ven biển, giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng trong Vườn Quốc gia Phú Quốc, U Minh Thượng, khu vực Hòn Chông – Kiên Lương; gắn với triển khai thực hiện dự án nâng cấp đê biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; tỷ lệ che phủ rừng đạt 10,96%.

**5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

- Tiếp tục triển khai quán triệt, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, nhất là tăng cường đối thoại; tập trung giải quyết có hiệu quả các vụ việc khiếu nại của công dân, nhất là các vụ việc còn tồn đọng; chủ động xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp vận động, tuyên truyền nhằm ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất các vụ việc đông người.

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác tự kiểm tra, thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, dư luận có nhiều quan tâm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban ngành và địa phương; giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; thực hiện tốt xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Tiếp tục triển khai, quán triệt và thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy Kiên Giang gắn với tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đảm bảo mục tiêu đề ra.

## **7. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế**

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, các lực lượng chức năng theo dõi, nắm, nghiên cứu, dự báo, đánh giá đúng tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nhất là các địa bàn trọng điểm, tuyến biên giới, vùng biển, đảo; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác phối hợp bảo đảm an ninh, tuần tra, bảo vệ vùng biển, tuyến biên giới. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2019.

- Phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, nhà nước của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm kinh tế, ma túy, tham nhũng, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao và các loại tệ nạn xã hội; thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; tăng cường phòng chống buôn lậu trên tuyến biên giới, trên đất liền, trên biển.

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, tiếp tục phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí; tăng cường phòng, chống cháy nổ, sẵn sàng ứng phó kịp thời, xử lý hiệu quả các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

- Kiểm soát, xử lý tranh chấp, vi phạm ngư trường, có biện pháp ngăn chặn tàu thuyền nước ngoài xâm nhập vùng biển nước ta và tàu thuyền ngư dân ta sang vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép. Triển khai công tác xây dựng các công trình cột mốc mới được xác định và xây dựng các cột mốc phụ khi có hướng dẫn của trên đảm bảo đúng quy trình thiết kế kỹ thuật chất lượng để đẩy nhanh tiến độ.

- Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với các đối tác trong khu vực và quốc tế; đẩy mạnh quảng bá tiềm năng, thế mạnh của địa phương, thu hút đầu tư phát triển. Tiếp tục duy trì tốt quan hệ với chính quyền, lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên thuộc Vương Quốc Campuchia, nhất là việc thực hiện các thỏa thuận đã được ký kết.

## **8. Đẩy mạnh thông tin và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, nhà nước, các đoàn thể**

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền các sự kiện thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội trong nước, ngoài nước và của địa phương; chủ động rà soát, nắm thông tin nhằm chân chính và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh, nâng cấp và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin.


## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2018, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp theo kế hoạch đã được đề ra, trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

- Khẩn trương xây dựng, triển khai các đề án, chương trình, kế hoạch hành động. Tập trung và chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được giao và tại bảng phân công đính kèm trong Kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hành động đã đề ra; đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/quý, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 18 hàng tháng/quý, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại các phiên họp thường kỳ của tháng/quý. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan đơn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. 

### Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- ĐĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, UBMTTQ và ĐT);
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, btkien. (01b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Vũ Hồng**

**PHỤ LỤC I****Phân công nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện trong năm 2019***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 25 /KH-UBND ngày 14/02/2019)*

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
1	Quy chế tổ chức, hoạt động của ấp, khu phố.	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý II
2	Đề án công nhận xã an toàn khu	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý III
3	Đề án thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý II
4	Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp kế toán viên.	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý IV
5	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	Sở NN&PTNT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
6	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN&PTNT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
7	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách ưu đãi thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch tỉnh Kiên Giang	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
8	Xây dựng Quy định mô hình quản lý khi du lịch cấp tỉnh	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
9	Xây dựng đề cương, kịch bản khung chuẩn bị cho tổ chức 01 sự kiện văn hóa - du lịch đặc trưng thường niên của tỉnh.	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
10	Xây dựng đề án "tái cơ cấu ngành du lịch tỉnh Kiên Giang đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế mũi nhọn".	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
11	Đề án cơ cấu ngành du lịch để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và huy động có hiệu quả nguồn lực trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
12	Kế hoạch liên kết với các tỉnh, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại ngành du lịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Du lịch	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
13	Đề án truyền thông tỉnh Kiên Giang đến năm 2020	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I/2019
14	Dự án triển khai hệ thống một cửa điện tử các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I/2019
15	Kế hoạch ngầm hóa hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý III/2019
16	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý II/2019
17	Chương trình hợp tác thông tin đối ngoại của hai tỉnh: Kampot và tỉnh Kép- Campuchia với tỉnh Kiên Giang giai đoạn năm 2019-2025.	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý III/2019
18	Quy chế ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Kiên Giang	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
19	Đơn giá sử dụng hạ tầng viễn thông tỉnh Kiên Giang	Sở TT&TT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
20	Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I và IV/2019
21	Điều chỉnh Nghị quyết kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý II/2019
22	Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý IV/2019
23	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý IV/2020
24	Nghị quyết chủ trương đầu tư các dự án đầu tư mới (kể cả điều chỉnh) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I và IV/2019



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện
25	Chi thị đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I/2019
26	Dự án lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang năm 2021 đến năm 2030	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
27	Triển khai Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2018-2020	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Quý I/2019 đến Quý III/2020
28	Triển khai Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	Sở KH&ĐT	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
29	Dự án xây dựng Trung tâm giám sát điều hành Công an tỉnh và hệ thống camera giám sát an ninh, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Công an tỉnh	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	
30	Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã	Công an tỉnh	Sở, ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan	

KIÊN GIANG



**KHU LỤC II**  
**Kịch bản tăng trưởng GRDP tỉnh Kiên Giang năm 2019**  
 (Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 25 /KH-UBND ngày 14/02/2019)

STT	Chỉ tiêu	KH 2019	Kịch bản tăng trưởng 2019 theo từng quý								Tốc độ phát triển (%)							
			Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Quý I		Quý II		Quý III		Cả năm 2019	
			GRDP	Riêng QI	Lũy Kế	Riêng QII	Lũy Kế	Riêng QIII	Lũy Kế	Riêng QIV	Lũy Kế	CK	KH	CK	KH	CK	KH	CK
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>I</b>	<b>Giá SS 2010</b>	<b>67,200.0</b>	<b>12,130.6</b>	<b>12,130.6</b>	<b>18,383.6</b>	<b>30,514.1</b>	<b>17,187.3</b>	<b>47,701.4</b>	<b>19,498.7</b>	<b>67,200.0</b>	<b>107.7</b>	<b>18.1</b>	<b>108.0</b>	<b>45.4</b>	<b>107.9</b>	<b>71.0</b>	<b>107.8</b>	<b>100</b>
*	Giá SS 2010 (VA)	64,945.0	11,730.6	11,730.6	17,684.5	29,415.0	16,803.9	46,219.0	18,726.0	64,945.0	107.5	18.1	107.9	45.3	107.1	71.2	107.8	100
<b>A</b>	<b>Nông - Lâm - Thủy sản</b>	<b>22,638.8</b>	<b>2,608.2</b>	<b>2,608.2</b>	<b>8,635.4</b>	<b>11,243.7</b>	<b>7,504.1</b>	<b>18,747.8</b>	<b>3,891.0</b>	<b>22,638.8</b>	<b>106.5</b>	<b>11.5</b>	<b>106.3</b>	<b>49.7</b>	<b>104.6</b>	<b>82.8</b>	<b>105.2</b>	<b>100</b>
1	Nông nghiệp	15,210.1	1,301.5	1,301.5	6,675.5	7,977.0	5,031.6	13,008.6	2,201.5	15,210.1	107.3	8.6	106.2	52.4	102.7	85.5	104.1	100
5	Lâm nghiệp	179.0	35.8	35.8	71.6	107.4	35.8	143.2	35.8	179.0	102.1	20.0	140.5	60.0	128.2	80.0	102.7	100
6	Thủy sản	7,249.7	1,271.0	1,271.0	1,888.3	3,159.3	2,436.7	5,595.9	1,653.7	7,249.7	105.8	17.5	105.7	43.6	108.8	77.2	107.6	100
<b>B</b>	<b>Công nghiệp - Xây dựng</b>	<b>12,780.7</b>	<b>2,702.3</b>	<b>2,702.3</b>	<b>3,198.0</b>	<b>5,900.4</b>	<b>3,196.4</b>	<b>9,096.8</b>	<b>3,684.0</b>	<b>12,780.7</b>	<b>107.1</b>	<b>21.1</b>	<b>108.7</b>	<b>46.2</b>	<b>107.4</b>	<b>71.2</b>	<b>107.4</b>	<b>100</b>
1	Công nghiệp	8,492.1	1,602.3	1,602.3	2,148.1	3,750.4	2,023.0	5,773.5	2,718.6	8,492.1	108.0	18.9	110.3	44.2	108.5	68.0	109.2	100
2	Xây dựng	4,288.7	1,100.0	1,100.0	1,049.9	2,149.9	1,173.4	3,323.3	965.3	4,288.7	105.9	25.6	106.0	50.1	105.7	77.5	104.0	100
<b>C</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>29,525.5</b>	<b>6,420.0</b>	<b>6,420.0</b>	<b>5,851.0</b>	<b>12,271.0</b>	<b>6,103.4</b>	<b>18,374.4</b>	<b>11,151.0</b>	<b>29,525.5</b>	<b>108.1</b>	<b>21.7</b>	<b>108.9</b>	<b>41.6</b>	<b>109.6</b>	<b>62.2</b>	<b>110.0</b>	<b>100</b>
*	Thuế sản phẩm	2,255.1	400.0	400.0	699.1	1,099.1	383.4	1,482.4	772.6	2,255.1	112.6	17.7	112.2	48.7	137.2	65.7	109.1	100